TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 7 - 2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc

2. Ông Nguyễn Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên toà: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn Ngh, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Nh trình bày và có yêu cầu như sau:

- Vào năm 2018 chị Nh có cho ông Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H vay tiền 03 lần, cụ thể lần 1 vào ngày 07/7/2018 âm lịch (âl) cho vay số tiền 20.000.000 đồng; lần 02 vào ngày 18/7/2018 âl cho vay 20.000.000 đồng, lần 03 vào ngày 29/10/2018 âl cho vay 4.000.000 đồng; tổng cộng 03 lần cho vay số tiền 44.000.000 đồng, việc vay ông Ngh, bà H có viết, ký tên trên cùng 01 biên nhận, mức lãi suất thỏa thuận và trả hàng tháng; ông Ngh, bà H cho rằng vay

tiền để làm vốn nuôi tôm và hứa khi thu hoạch tôm khoảng 05 tháng sẽ trả lại vốn cho chị Nh.

- Sau khi vay ông Ngh, bà H đóng lãi được 04 lần thì ngưng không đóng nữa và đến hạn trả cũng không trả vốn theo thỏa thuận, ông bà cho rằng nuôi tôm bị lỗ không trả được và hẹn trả sau; sau đó nhiều lần chị Nh có yêu cầu ông bà trả đủ vốn và lãi thì ông bà cho rằng vay dùm con của ông, bà (con tên Đỗ Thị Mỹ L tên trong giấy tờ là Đỗ Thị Đồng B) nên để con của ông, bà trả, chị Nh không đồng ý.

- Theo đơn khởi kiện chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền vốn vay là 44.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 18/12/2018 âl đến ngày 18/9/2021 âl, mức lãi 10%/năm/40.000.000đ, số tiền lãi là 11.000.000 đồng, không tính lãi đối với số tiền vay 4.000.000 đồng.

- Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Nh cho rằng đến tháng 3/2022 ông Ngh, bà H đã trả được 4.000.000 đồng đã vay ngày 29/10/2018 âl nên còn nợ lại số tiền 40.000.000 đồng, không hứa khi nào trả; do đó chị Nh xin rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền vay 4.000.000 đồng, yêu cầu ông Ngh, bà H phải trả số tiền vay còn nợ là 40.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 18/12/2018 âl là ngày 23/01/2019 dương lịch đến ngày 23/6/2022 dl, mức lãi 10%/năm/40.000.000đ, số tiền lãi tính tròn là 13.660.000 đồng. Ngoài ra chị Nh không còn tranh chấp nào khác.

Bị đơn Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông Ngh, bà H có lời khai như sau: Ông Ngh, bà H thừa nhận, biên nhận vay tiền do chị Nh cung cấp là đúng, về chữ viết, chữ ký trong biên nhận là của ông bà nên không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Tuy nhiên, ông Ngh, bà H cho rằng không phải ông bà vay số tiền 44.000.000 đồng như biên nhận đã ký mà ông bà chỉ ký làm tin để chị Nh cho con của ông bà tên Đỗ Thị Mỹ L (Đỗ Thị Đồng B) và Đỗ Thị Ph vay và nhận tiền chứ ông bà không nhận tiền vay này. Do đó, ông Ngh, bà H không đồng ý trả tiền cho chị Nh mà để cho con của ông, bà trả cho chị Nh và từ trước đến nay ông bà không đóng lãi cho chị Nh. Hiện nay, con của ông bà là Đỗ Thị Ph trả xong 4.000.000 đồng, phần còn lại 40.000.000 đồng là nợ của Đỗ Thị Mỹ L nên yêu cầu để Mỹ L trả. Ông Ngh, bà H không có yêu cầu tranh chấp khác đối với chị Nh.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự. Phía bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H trả cho chị Trần Thị Nh số tiền vốn vay còn nợ là 40.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị Nh về thời gian tính lãi, mức lãi suất, số tiền lãi 13.660.000 đồng và đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nh đối với số tiền vay đã trả 4.000.000 đồng. Về án phí, xét ông Ngh, bà H có đơn xin miễn án phí nên đề nghị căn cứ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho ông Ngh, bà H theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy ông Đỗ Văn Ngh và bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngh, bà H theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy chị Trần Thị Nhung khởi kiện ông Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H yêu cầu trả tiền vay theo biên nhận. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về "*Hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ kiện: Chị Trần Thị Nh yêu cầu ông Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền vốn vay 44.000.000 đồng, chị cung cấp biên nhận vay ngày 07, 18, 29/7/2018 âl; ông Ngh, bà H xác định biên nhận này là đúng về chữ viết và chữ ký trong biên nhận do ông Ngh, bà H tự viết, ký tên nên không yêu cầu trưng cầu, giám định nhưng ông Ngh, bà H không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của chị Nh.

- Quá trình giải quyết, chị Nh thay đổi yêu cầu chỉ buộc ông Ngh, bà H phải trả số tiền vay còn nợ 40.000.000 đồng, chị Nh cung cấp biên nhận ngày 07,18/7/2018 âl để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nội dung biên nhận thể hiện ông Ngh, bà H có vay của chị Nh số tiền 40.000.000 đồng (lần 01 vay 20.000.000đ, lần 02 vay 20.000.000đ), chữ viết và chữ ký trong biên nhận được ông Ngh, bà H thừa nhận do ông bà viết và ký tên.

- Xét lời khai của ông Ngh, bà H không đồng ý trả số tiền vay 40.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Nh, về biên nhận ông bà cho rằng có ký biên nhận vay tiền của chị Nh cung cấp, làm tin để chị Nh giao tiền cho con của ông bà là Đỗ Thị Mỹ L (Đỗ Thị Đồng B) và Đỗ Thị Ph vay nhưng lời khai của ông Ngh, bà H không được chị Nh chấp nhận mà xác nhận giao tiền cho ông Ngh, bà H

vay như biên nhận ông bà đã ký, còn việc ông, bà giao tiền lại cho con của ông bà sử dụng thì chị Nh không biết. Ông Ngh, bà H không có chứng cứ chứng minh việc ký làm tin, không nhận tiền vay của chị Nh cho nên ông bà phải chịu trách nhiệm đối với việc viết và ký biên nhận vay.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Trong vụ kiện này ông Ngh, bà H phản đối yêu cầu của chị Nh nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh cho sự phản đối đó, do đó Hội đồng xét xử, xét yêu cầu khởi kiện của chị Nh đối với ông Ngh, bà H là có cơ sở chấp nhận.

Đồng thời qua xác minh đối với chị Đỗ Thị Ph, chị Ph cho rằng có nhờ cha mẹ của chị là ông Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H vay dùm số tiền 4.000.000 đồng của chị Nh chứ chị không trực tiếp vay của chị Nh và hiện chị đưa tiền cho cha mẹ là ông Ngh, bà H trả xong cho chị Nh khoản vay 4.000.000 đồng;

- Xét về tiền lãi đã đóng: Chị Nh cho rằng ông Ngh, bà H đóng tiền lãi đến tháng 11/2018 âm lịch, được 04 lần của số tiền 40.000.000đ thì ngưng không đóng nữa; ông Ngh, bà H cho rằng ông bà đóng dùm và con của ông bà đã đóng nhiều lần nhưng không nhớ đóng đến thời gian nào, số tiền đã đóng là bao nhiêu, ông bà không có chứng cứ chứng minh cho lời khai trình bày của mình nên không có cơ sở xem xét.

Do đó, xét yêu cầu tính lãi của chị Nh tính từ ngày 18/12/2018 âl là ngày 23/01/2019dl đến ngày 23/6/2022dl và mức lãi suất 10%/năm là 0,833%/tháng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, xét thấy nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất và thời gian tính lãi là phù hợp quy định nên được chấp nhận, số tiền lãi là 13.660.000 đồng (40.000.000đ x 0,833% x 41 tháng).

- Xét ý kiến của chị Nh về việc xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền vay 4.000.000 đồng do ông Ngh, bà H đã trả xong. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nh đối với ông Ngh, bà H về số tiền vay 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Ngh, bà H phải chịu án phí theo quy định, tuy nhiên, xét thấy ông Ngh, bà H là người người cao tuổi, ông Ngh, bà H có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định quy định mức thu, miễn, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét miễn toàn bộ án phí cho ông Ngh, bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điều 35, 39, 91, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 14, 15 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Nh.

- Buộc ông Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi 13.660.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho chị Trần Thị Nh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nh đối với ông Ngh, bà H về số tiền vay 4.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí cho ông Đỗ Văn Ngh, bà Nguyễn Thị H.

- Chị Trần Thị Nh không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000 đồng theo biên lại thu tiền số 0006655 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa